

Số: *124*BC-TTYT

Giang Thành, ngày *28* tháng *7* năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác y tế tháng 6 năm 2025 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 7 năm 2025

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 6

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong tháng, Trung tâm Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, công tác khám chữa bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Ban hành ban hành 08 Quyết định theo thẩm quyền quản lý¹
- Triển khai 09 Công văn²
- Triển khai 03 Kế hoạch³

Tham mưu chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai và cụ thể hóa các văn bản, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

¹ Trong đó 01 QĐ Thành lập Tổ kiểm kê thuốc tại các Khoa Lâm sàng và các TYT xã; 01 QĐ về việc kiện toàn Hội đồng kiểm nhập thuốc hóa chất vật tư sinh phẩm y tế; 01 QĐ về việc ban hành quy trình đối chiếu và xác nhận công nợ Dược; 01 QĐ về việc phân công viên chức phụ trách An toàn bức xạ; 01 QĐ về việc kiện toàn Tổ quản lý chất lượng xét nghiệm; 01 QĐ về việc bãi nhiệm chức danh Thủ Quỹ; 01 QĐ về việc phân công người viên chức phụ trách thủ quỹ; 01 QĐ về việc thành lập Đoàn tư vấn khám sàng lọc.

² Trong đó: Công văn số 1324/SYT-NVY ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc chủ động tăng cường công tác phòng, chống bệnh dại và các bệnh trên gia súc, gia cầm; Công văn số 1469/SYT-NVY ngày 21 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức dịch bổ sung vitamin A cho trẻ em đợt 1 năm 2025; Công văn số 1414/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc V/v chủ động triển khai công tác phòng, chống bệnh COVID-19; Công văn số 1309/SYT-NVY ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế Kiên Giang về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích của ngành y tế giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giai đoạn 2026-2030; Công văn số 1414/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc V/v yêu cầu đẩy nhanh tiến độ chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống dịch Sởi đợt 2; Công văn số 1396/SYT-NVY ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh tay chân miệng; Công văn số 845/TTYT - KHNH về việc tổ chức Hội thi “Triển khai và duy trì 5S hiệu quả”.

³ Trong đó: Kế hoạch số 86/KH-SYT, ngày 23/04/2025 của Sở Y tế Kiên Giang về việc Triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng, chống dịch Sởi năm 2025 đợt 2 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 799/KH-TTYT v/v thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng, chống dịch Sởi năm 2025 đợt 2 trên địa bàn huyện Giang Thành; kế hoạch Nghiên cứu khoa học và sáng kiến 2025; kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025.

1. Công tác y tế dự phòng

1.1. Chương trình Tiêm chủng

- Duy trì tiêm chủng thường xuyên vào ngày 25-27 hàng tháng tại 05 Trạm Y tế xã luôn đảm bảo. Công tác tiêm chủng được tổ chức và bố trí khám phân loại trước tiêm, các mũi tiêm đều đảm bảo theo đúng quy trình, an toàn, không tai biến. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư và an toàn trong tiêm chủng.

+ Tiêm Miễn dịch đầy đủ: 38 trẻ

+ Tiêm uốn ván cho phụ nữ mang thai: 46 người

- Triển khai tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học lần đầu trong trường mẫu giáo và tiểu học (lớp 1).

- Triển khai tiêm vắc xin sởi đợt 2 cho trẻ 11 – 15 tuổi được 383 trẻ.

- Tiêm ngừa dịch vụ: Tiêm uốn ván cho các đối tượng nguy cơ: 01 liều; Tiêm ngừa đại cho các đối tượng nguy cơ: 22 liều.

1.2. Phòng, chống dịch bệnh (Số liệu từ ngày 01/5 đến 31/5/2025)

- Bệnh Sốt xuất huyết: Ghi nhận 01 ca Sốt xuất huyết tại xã Phú Lợi

- Bệnh Tay chân miệng: không ghi nhận

- Bệnh Sốt phát ban nghi sởi: Ghi nhận 02 ca tại (Vĩnh Điều 01, Phú Mỹ 01)

- Các bệnh truyền nhiễm khác: Các bệnh truyền nhiễm khác không ghi nhận./.

- Thực hiện tốt công tác thống kê báo cáo theo TT54, Báo cáo ngày, tuần, tháng theo quy định.

Tham dự lớp tập huấn về giám sát phòng, chống bệnh sởi, xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch và thống kê báo cáo bệnh truyền nhiễm năm 2025.

1.3. Phòng chống các bệnh xã hội và bệnh nguy hiểm cho cộng đồng

1.3.1. Chương trình phòng, chống Phong:

- Duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống bệnh phong ngoài cộng đồng.

- Trong tháng chương trình phòng, chống bệnh Phong không ghi nhận cas bệnh mới nào.

- Tổng số bệnh nhân Phong hiện tại đang quản lý là 05 cas. (05 cas sẵn sóc tàn tật).

1.3.2. Chương trình phòng chống Sốt rét:

Duy trì công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức phòng, chống sốt rét trong cộng đồng, tình hình Sốt Rét ổn định không ghi nhận cas bệnh mới nào.

1.3.3. Chương trình sức khỏe tâm thần:

- Duy trì tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức về bệnh tâm thần, động kinh và hướng dẫn phục hồi chức năng.

- Thực hiện tốt việc quản lý, giám sát, cấp phát thuốc đầy đủ cho bệnh nhân trên địa bàn.

- Trong tháng không ghi nhận cas bệnh mới .

- Số lượt khám bệnh: 53 cas.

- Tổng số bệnh nhân hiện tại đang quản lý là: 53 cas. (Trong đó tâm thần phân liệt: 21 cas, Động kinh: 32 cas).

1.3.4. Chương trình phòng chống HIV/AIDS:

- Trong tháng ghi nhận 03 ca nhiễm mới (tại Tân Khánh Hoà 02, Vĩnh Phú 01). Tử vong 01 cas (tại Vĩnh Phú)

- Hiện tại ở địa phương là: 52 cas. Trong đó (còn sống: 29; Tử vong: 23). 04 cas chuyển nơi khác.

- Phối hợp với Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh thực hiện công tác tư vấn, xét nghiệm sàng lọc cho nhóm đối tượng nguy cơ, phụ nữ mang thai, người mắc bệnh Lao, Khám tuyển NVQS được 120 trường hợp.

- Phối hợp với Trường THPT Thoại Ngọc Hầu và các Trạm Y tế xã tổ chức Nói chuyện sức khỏe về chuyên đề phòng, chống HIV/AIDS được 08 cuộc với 300 người tham dự.

1.3.5. Chương trình phòng chống Lao:

- Trong tháng ghi nhận: 05 cas. Trong đó:

+ Lao phổi AFB(+) mới: 04

+ Lao phổi AFB(+) thất bại: 01

- Số BNQL điều trị: 67 cas

- Số người xét nghiệm lao: 47 người

- Cấp thuốc lao BHYT được: 26 lượt

- Giám sát chương trình: 05 lượt, vãng gia bệnh nhân: 10 bệnh

1.4. Chương trình phòng, chống Dinh dưỡng

1.4.1. Chương trình dinh dưỡng.

- Duy trì thực hiện tốt công tác truyền thông tuyên truyền, vận động người dân sử dụng đầy đủ các vi chất dinh dưỡng cho trẻ em để giảm thiểu tối đa suy dinh dưỡng trẻ em trong cộng đồng với 150 lượt người tham dự nói chuyện chuyên đề sức khỏe về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn 5 xã.

- Trong tháng duy trì thực hiện: Kế hoạch “nói chuyện chuyên đề sức khỏe về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Giang Thành năm 2025” với 150 lượt người dân tham dự; xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ dưới 5 tuổi và uống vitamin A đợt 2 năm 2025; Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông hưởng ứng Chiến dịch uống

Vitamin A đợt 1 “ngày Vi chất dinh dưỡng” và cân trẻ dưới 5 tuổi năm 2025; Kế hoạch giám sát Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ và uống vitamin A đợt 2 năm 2025.

1.4.2. Chương trình Vitamin A.

Duy trì thực hiện tốt công tác bổ sung Vitamin A cho trẻ em nguy cơ, trẻ tiêu chảy cấp, trẻ sốt phát ban... trên địa bàn các xã.

1.5. Chương trình Sức khỏe môi trường - Y tế trường học

1.5.1. Chương trình Sức khỏe môi trường

- Công tác VSMT trên địa bàn huyện luôn được duy trì.
- Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn hiện có: 40 hộ gia đình

1.5.2. Chương trình Y Tế trường học:

Công tác Y tế trường học luôn được duy trì.

1.5.3. Chương trình NHD:

- Công tác Nha học đường tại các điểm trường luôn được duy trì.
- Trong tháng chương trình Nha học đường thực hiện khám sức khỏe răng miệng cho học sinh được: 834 học sinh.

1.6. Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Tổng số áp dụng biện pháp tránh thai 1.144 người⁴ (tại khoa CSSKSS là 01 người).
- Số phụ nữ sinh con trong tháng: 29 người (tại khoa CSSKSS là 02 người).
- Khám phụ khoa 641 lượt (tại khoa CSSKSS: 15 lượt); Điều trị phụ khoa: 249 lượt (tại khoa sản 04 lượt).

1.7. Chương trình an toàn thực phẩm

- Thanh tra, kiểm tra: 37 cơ sở cụ thể như sau:
 - + KD thực phẩm: 01 cơ sở, đạt 01 cơ sở.
 - + KD thức ăn đường phố: 28 cơ sở, đạt 28 cơ sở.
 - + KD dịch vụ ăn uống: 08 cơ sở, đạt 05 cơ sở.
- Nhận và cấp phát băng rôn cho 5 Trạm Y tế: 25 cái.
- Phát thanh trên hệ thống lao truyền thanh: 22 lượt.

2. Công tác khám chữa bệnh:

TT	Khám bệnh, chữa bệnh	Đơn vị tính	Thực hiện tháng	Thực hiện tháng 6/2025	Số sánh tháng trước

⁴ Trong đó: Đặt vòng: 224; Thuốc uống: 338; Thuốc tiêm: 49; Thuốc cây tránh thai: 0; Bao cao su: 533 lượt.

			5/2025		
1	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	5.905	5.698	↓207
	► Khám BHYT	Lượt	1.401	1.470	↑69
	► Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	314	288	↓26
2	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt	109	108	↓1
11	Công suất sử dụng giường bệnh	%	36,6	41,3	↑4,7
4	Tỷ lệ bệnh nhân nội trú điều trị khỏi, đỡ giảm	%	90,5	94,3	↑3,8
5	Ngày điều trị bình quân 1BN nội trú	Ngày	4,03	4,6	↓0,26

Thực hiện cận lâm sàng: Tổng số kỹ thuật xét nghiệm 1.777; chụp X-quang: 160 lượt; Tổng số người điện tim: 19 lượt; Tổng số người siêu âm: 113 lượt.

3. Công tác Dược

Trong tháng Khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế, tập trung tham mưu Ban Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên trong công tác cung ứng thuốc bảo đảm số lượng, chất lượng cho nhu cầu điều trị và các yêu cầu chữa bệnh khác (phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa).⁵

- Tình hình cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư y tế cho công tác khám và điều trị chưa đảm bảo kịp thời, thuốc về kho nhưng chưa thể kiểm nhập kho và cấp phát.

- Đảm bảo thực hiện theo quy định, trước khi duyệt và cấp phát thuốc theo bảng kê thuốc chính xác, kịp thời, đúng thuốc, không nhầm lẫn, thực hiện đúng các qui định về cấp phát thuốc trong kho.

- Công tác thống kê báo cáo dược thực hiện đúng quy định, xây dựng số liệu đảm bảo tính khoa học, chính xác, trung thực.

⁵ Tiếp tục theo dõi và làm hồ sơ thanh toán các hoá đơn trong và ngoài thầu; Hoàn thành báo cáo phân mềm các gói thầu thuốc quý 1/2025 gửi Sở Y tế: Quyết định số 958/QĐ-SYT ngày 04/7/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 957/QĐ-SYT ngày 04/7/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang; Cập nhật kết quả mua sắm gang tay của Công ty CP Dược phẩm 3/2 gửi về Sở Y tế.

- Thực hiện thông tin thuốc cho bác sĩ, điều dưỡng các khuyến cáo về thuốc của cơ quan quản lý... bằng các hình thức khác nhau (như thông báo tại bảng tin bệnh viện, thông báo đến khoa/phòng, tại buổi giao ban bệnh viện).

- Về theo dõi phản ứng có hại của thuốc: có qui trình giám sát phản ứng có hại của thuốc và triển khai cho các khoa cùng thực hiện.

4. Công tác dân số- truyền thông giáo dục sức khỏe

4. 1. Kết quả thực hiện các chương trình, Dự án, đề án

4.1.1. Công tác truyền thông giáo dục về dân số và phát triển

Tổ chức các hoạt động truyền thông các vấn đề đang đặt ra đối với công tác dân số và phát triển: chăm sóc SKSS VTN/TN, MCBGTKS, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, cơ cấu dân số vàng, già hóa dân số, chăm sóc sức khỏe NCT, tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân... được 236 cuộc có 8.127 người dự.

Hưởng ứng tuyên truyền các hoạt động Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12 treo được 5 cái băng rôn tại 5 Trạm Y tế xã.

Tiếp nhận và phân bổ cho 5 xã tở rời⁶ chương trình, đề án công tác dân số năm 2025.

4.1.2. Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Tiếp nhận và cấp cho xã:

- Vòng tránh thai: 312 cái.
- Thuốc sử dụng cho vòng là Doxycyline: 1.248 viên và Harine (Spas): 2.002 viên.

4.1.3. Chương trình Điều chỉnh mức sinh

Thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số tại vùng có mức sinh thấp năm 2025⁷.

⁶ Hội chứng Down, Tam sắc thể 18 và 13: 100 tờ; Mất cân bằng giới tính khi sinh đã để lúc chúng ta cần hành động: 100 tờ; Viêm nhiễm đường sinh sản: 100 tờ; An toàn sức khỏe sinh sản hôm nay tương lai hạnh phúc ngày mai: 100 tờ; Dị tật ống thần kinh: 100 tờ; Chăm sóc NCT là trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội: 100 tờ; Người cao tuổi cần được sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc: 100 tờ; Hãy quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ để trở thành người con, người cháu hiếu thảo: 100 tờ; Xâm hại tình dục trẻ em là tội ác: 100 tờ; Cầm nang bồi dưỡng Dân số và phát triển cho Ban chỉ đạo dân số và phát triển các cấp: 5 cuốn.

⁷ Kết quả đạt được: Khám phụ khoa 300/300 ca đạt 100%; Điều trị phụ khoa: 165/165 ca đạt 100%; Đặt vòng 239/239 ca đạt 100%; Thuốc tiêm 50/50 ca đạt 100%; Bao cao su: 843/843 ca đạt 100%; Thuốc uống: 358 ca đạt 100%; Thuốc cấy: 01/01 ca đạt 100%; Siêu âm thai 0/60 đạt 00%. Công tác tuyên truyền: Số nam/nữ thanh niên được cung cấp về hệ lụy của mức sinh thấp và lợi ích của việc sinh đủ 2 con được 330 người; Số nam/nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn có nhu cầu được tư vấn về khám sức khỏe trước hôn nhân được 63; Số nam/nữ thanh niên có nhu cầu được tư vấn phòng tránh vô sinh được 86 người; Số cặp vợ chồng chưa có con hoặc có 01 con được tuyên truyền vận động sinh đủ 2 con: 236 người; Tư vấn tâm soát ung thư cổ tử cung: 255 người.

4.1.4. Đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh”

Truyền thông về “Kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính vị thành niên/thanh niên, mất cân bằng giới tính khi sinh cho học sinh” năm 2025 tại trường THCS Tân Khánh Hoà, Phú Mỹ, Vĩnh Phú B và học sinh THPT Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Vĩnh Điều và THPT Thoại Ngọc Hầu được 900 học sinh.

4.1.5. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

Tổ chức tuyên truyền vận động xã hội, chuyển đổi hành vi về khám sức khỏe trước khi kết hôn và tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh - Thực hiện Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại trường THPT Thoại Ngọc Hầu.

Báo cáo kết quả thực hiện Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” năm 2024.

Khám người cao tuổi được 295 người, trong đó: Trung tâm Y tế huyện tổ chức tư vấn và khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại xã Vĩnh Điều và Vĩnh Phú, kết quả khám được 100/100 cụ đạt 100% chỉ tiêu chỉ cụ Dân số tỉnh hỗ trợ.

4.1.6. Thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu Dân số-KHHGD

- 4 biện pháp tránh thai: 2.139/1.47 đạt 69% KH.
- Sàng lọc trước sinh: 118/219 đạt 54%.
- Sàng lọc sau sinh: 98/306 đạt 32%.
- Tỷ số giới tính khi sinh 115 bé trai/100 bé gái
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 4,5‰.

4.2. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

Tư vấn sức khỏe: 6056 lần, số người được truyền thông: 6056 người.

Thảo luận nhóm: 138 lần, số người được truyền thông: 966 người.

Thăm hộ gia đình: 3814 lần, số người được truyền thông: 3850 người.

Gửi tin, bài đăng Bản tin Sức khỏe Kiên Giang: 18 tin, bài; Trung tâm Văn hoá – Thể thao và Truyền thanh: 54 tin, bài.

Truyền thanh trên hệ thống phát thanh xã và Trạm Y tế: 132 tin, bài với 456 lượt phát thanh.

5. Công tác quản lý và điều hành khác

5.1. Tổ chức nhân sự, đào tạo và chế độ chính sách

Tổng số 124 người (Trong đó biên chế 113; hợp đồng lao động 11)⁸

- Lập danh sách tập huấn 29 lượt viên chức.
- Báo cáo điều chỉnh, tăng giảm về BHXH: 8 trường hợp.

5.2. Công tác thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ, đường dây nóng, hòm thư góp ý, an ninh trật tự

- Thực hiện khảo sát sự hài lòng của nhân viên y tế theo đoàn chăm sóc bệnh viện được 92/92 phiếu, tỷ lệ hài lòng chung đạt 40,02%.
- Trong tháng không ghi nhận thông tin phản ánh của người dân qua hòm thư góp ý và đường dây nóng.
- Đăng ký danh sách tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan về Công an xã Phú Lợi và Sở Y tế.
- Công tác Bảo vệ an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy đảm bảo chế độ thường trực 24/24h theo đúng qui chế. Công tác bảo trì thiết bị điện, nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của đơn vị.

5.3. Công tác thi đua khen thưởng

- Tiếp nhận bình xét thi đua xếp loại ABC của các đơn vị trực thuộc, kết quả trong tháng có 124 VCLĐ bình xét: Trong đó: Xếp loại A: 87 lượt VCLĐ; Xếp loại B: 0 lượt VCLĐ; Không bình xét có lý do: 9 lượt VCLĐ (02 trường hợp nghỉ hậu sản; 02 đi học, 05 bị kỷ luật; 01 nghỉ không hưởng lương). Không nộp báo cáo 28 lượt (Khoa HSCC, Khoa Hoạt động lồng ghép; Khoa Dược-TTB-VTTYT)

5.4. Công tác văn thư lưu trữ, báo cáo thống kê

- Công tác thống kê báo cáo, cập nhật công văn qua thư điện tử, gmail được đảm bảo theo đúng quy định, mỗi ngày tối thiểu 2 lần, (sáng 8 giờ và 16 giờ cùng ngày). Kịp thời triển khai đến các Khoa, Phòng có liên quan tham mưu để thực hiện.
- Tiếp nhận 132 văn bản, ban hành 101 văn bản. Công tác lưu trữ văn bản đảm bảo đúng qui định. Quản lý tốt con dấu, văn bản mật của đơn vị.

6. Hoạt động trạm y tế xã

- Đảm bảo công tác thường trực 24/24. Công tác khám chữa bệnh đảm bảo thực hiện đúng các quy trình khám chữa bệnh Bộ Y tế ban hành.

⁸ Trong đó: Bác sĩ: 29 (CKII: 01; CKI: 05; ThS:01; Bác sĩ đa khoa:22); Dược sĩ: 16(CKI: 01;DSDH: 10; DSCD: 05); Y sĩ: 30; Điều dưỡng: 16 (CNĐD: 13; CĐĐD: 03; Kỹ thuật viên: 05 (CNXN: 03;;CĐXN: 01, X quang: 01); Hộ sinh: 10 (CKI:1;CNHS: 08; HSTH: 01); Dân số viên: 04; kế toán 03; kỹ sư: 01; văn thư 01, CNTT: 01; Hộ lý 03; tài xế 02; bảo vệ, bảo trì : 03

STT	Khám bệnh, chữa bệnh	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 5	Thực hiện tháng 6	So sánh tháng trước
TYT Phú Mỹ	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	875	551	↓324
	▶ Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	12	0	↓12
TYT Phú Lợi	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	353	59	↓294
	▶ Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	0	0	0
TYT Tân Khánh Hoà	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	1.106	1.143	↑37
	▶ Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	29	0	↓29
TYT Vĩnh Điều	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	1.040	1.016	↓24
	▶ Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	20	20	0
TYT Vĩnh Phú	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	1.038	1.207	↑169
	▶ Khám chữa bệnh YHCT hoặc kết hợp với YHCT	Lượt	0	0	0

- Công tác phòng chống dịch bệnh tại các xã được đảm bảo, không xảy ra các ổ dịch lớn trên địa bàn, công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh được duy trì thường xuyên. Duy trì thực hiện công tác tiêm chủng thường xuyên tại các Trạm Y tế.

7. Công tác phối kết hợp

- Trạm Y tế xã Tân Khánh Hòa phối hợp với Ban Giám hiệu trường cấp II, III thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh sởi cho các em học sinh được 390 em; Phối hợp với Phụ nữ xã, áp thực hiện tuyên truyền vận động chị em phụ nữ tham gia chiến dịch Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình có 266 lượt chị tham gia.; cùng với lãnh đạo 7 ấp tổ chức cấp phát vi chất cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc chương trình giảm nghèo bền vững.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế, Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Giang Thành về công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh tạo điều kiện cho Trung tâm Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn, cũng như mua sắm các trang thiết bị chuyên môn phục vụ công tác chuyên môn.

- Đảm bảo công tác thường trực, trực cấp cứu, khám chữa bệnh điều trị, phục vụ người bệnh kịp thời. Công tác ATTP được đảm bảo không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm trên địa bàn trong dịp nghỉ lễ 30/4-01/5 năm 2025.

- Công tác phòng, chống dịch được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của BGĐ, sự tham gia của các ban ngành đoàn thể, sự giám sát chặt chẽ của cán bộ chuyên môn từ huyện đến xã nên tình hình dịch bệnh được kiểm soát và khống chế hiệu quả không để xảy ra ổ dịch trên địa bàn.

- Duy trì thực hiện tốt công tác tiêm chủng thường xuyên và tiêm vắc xin dịch vụ luôn được đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố trong tiêm chủng.

- Các Trạm Y tế đảm bảo công tác chuyên môn, thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

2. Hạn chế, khó khăn

- Cơ sở vật chất tại Trung tâm Y tế và một số Trạm Y tế đã xuống cấp, nhiều khoa phòng chật hẹp.

- Trang thiết bị còn thiếu chưa đầy đủ theo phân tuyến kỹ thuật tại một số khoa/phòng, một số trang thiết bị tại các Khoa/Phòng đã xuống cấp, hư hỏng.

- Công tác cung ứng thuốc, hóa chất và vật tư y tế chưa đảm bảo kịp thời cho công tác điều trị, một phần do Hội đồng kiểm nhập các kho của Khoa Dược – TTB – VTYT hiện tại vẫn chưa kiên toàn được do thiếu thành viên của phòng Tài chính – Kế toán theo quy định.

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng công tác bảo quản theo quy định (chưa bố trí riêng được kho hóa chất, kho trang thiết bị y tế).

- Các kỹ thuật xét nghiệm mới triển khai chưa được các khoa lâm sàng khai thác tốt, còn ít chỉ định.

- Một số phụ huynh chưa đưa trẻ đi tiêm trong thời gian diễn ra chiến dịch nên tỷ lệ tiêm chủng chưa đạt cao, phải tổ chức nhiều đợt tiêm vét.

- Một số Trạm Y tế xã chia chương trình YTCC nhiều người quản lý, phụ trách nên gặp khó cho công tác kiểm tra giám sát của chương trình.

Phần II

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 7 NĂM 2025

1. KIỆN TOÀN TỔ QL CLBV 2025, MẠNG LƯỚI CLBV 2025, XÂY DỰNG CÁC ĐỀ ÁN TỔ QLCL BV 2025, QUY CHẾ HỖQLCL BV 2025.

2. Duy trì tốt các kỹ thuật chuyên môn đang thực hiện và lấy gửi mẫu theo đúng quy định và công tác nội kiểm xét nghiệm sinh hóa, triển khai được nội kiểm công thức máu hướng đến trả kết quả đảm bảo chính xác, kịp thời, đồng thời tham gia các chương trình ngoại kiểm phù hợp với điều kiện đơn vị.

3. Tham mưu lãnh đạo phòng công tác chăm điểm Hội thi “Triển khai và duy trì 5S”.

4. Triển khai Kế hoạch tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 6 tháng đầu năm 2025.

5. Phối hợp các ngành triển khai công tác giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm năm 2025 trên địa bàn huyện Giang Thành.

6. Tiếp tục tuyên truyền về an toàn thực phẩm cho người dân trên địa bàn về việc chấp hành các quy định về An toàn thực phẩm. Tham gia cùng đoàn thẩm định (khi có yêu cầu), tiến hành thẩm định các cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện An toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

7. Đăng ký thi đua khối 4 năm 2025

8. Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Y tế huyện Giang Thành.

9. Xây dựng Kế hoạch phát động, tuyên truyền và kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng năm 2025.

10. Tiếp tục giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn. Thực hiện nghiêm túc công tác thông kê báo cáo BTN theo Thông tư 54/2015/TT-BYT, Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn, đồng thời quản lý tốt các ổ dịch cũ, chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, tăng cường công tác điều tra, giám sát người dân nhập cư từ các nước về địa phương, Sốt xuất huyết, tay chân miệng, đậu mùa khỉ... trên địa bàn. Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hóa chất cho công tác phòng, chống dịch bệnh.

11. Tập trung chỉ đạo công tác tiêm chủng mở rộng để đạt tỷ lệ tiêm chủng mở rộng trên đề ra. Quản lý tốt hoạt động tiêm chủng dịch vụ, áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia. Triển khai tiêm chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống dịch sởi đợt 2 năm 2025.

12. Duy trì thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng đầy đủ các vi chất dinh dưỡng cho trẻ em để giảm thiểu tối đa suy dinh dưỡng trẻ em trong cộng đồng; tuyên truyền về phòng, chống bệnh truyền nhiễm HIV/AIDS đến người dân trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện các Kế hoạch: Kế hoạch triển khai Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ dưới 5 tuổi và uống vitamin A đợt 2 năm 2025; Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông hưởng ứng Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1 “ngày Vi chất dinh dưỡng” và cân trẻ dưới 5 tuổi năm 2025; Kế hoạch giám sát Chiến dịch uống Vitamin A đợt 1, kết hợp cân trẻ và uống vitamin A đợt 2 năm 2025..

13. Quản lý chặt chẽ các bệnh xã hội và đảm bảo cung cấp thuốc đầy đủ phục vụ cho người bệnh. Tiếp tục triển khai khám phát hiện tích cực bệnh nhân lao trên người mắc tiểu đường, cao huyết áp và bệnh phổi mới phát hiện.

1.4. Tổ chức các sự kiện truyền thông, tuyên truyền tăng cường ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Dân số Thế giới 11/7; Tháng hành động quốc gia Người cao tuổi; Ngày tránh thai thế giới 26/9; Ngày thế giới vì trẻ em gái 11/10; các hoạt động Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12...

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế tháng 6 năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- UBND huyện;
- Huyện ủy;
- Ban Tuyên giáo huyện;
- Chi cục thống kê huyện;
- Các Khoa, Phòng, Trạm Y tế;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, KHNV.



TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH		%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	Số người khám phát hiện	Người	1.200	0	0				250	0	0	250	0	0	250	0	0	250	0	0	200	0	0
2	Số BN mới phát hiện	BN	1	0	0	1			0			0			0			0			0		
3	Số BN quản lý điều trị	BN	5	5	100				2	2	100	2	2	100	1	1	100	0	0		0	0	
5	Số lớp tập huấn	Lớp	0	0	0				0			0			0			0			0		
4	Số BN chăm sóc tàn tật	BN	5	5	100				2	2	100	2	2	100	1	1	100	0			0		
5	Số điểm triển khai	Điểm	5	0	0				1		0	1		0	1		0	1		0	1		0
6	Khám bệnh da tại cộng đồng	BN	200	0	0.0				40		0	40		0	40		0	40		0	40		0
III	CHƯƠNG TRÌNH SÓT RẾT																						
1	Số lam xét nghiệm	Lam	200	0	0				40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0	40	0	0
2	Số lượt bệnh nhân điều trị	Lượt	0	0					0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
3	Tỷ lệ mắc SR/1.000 dân	‰	0,005	0					0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
4	Dân số được bảo vệ bằng hóa chất	BN	0	0					0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
IV	PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM																						
A	Phòng chống bấu cổ																						
1	Giám sát muối Iod tại hộ gia đình	Hộ gd	60	0					15		0				15		0	15		0	15		0
2	Điều tra KAP bà mẹ	BM	24	0	0				12		0				12		0						
B	Phòng chống Đái tháo đường																						
1	Tập huấn kỹ năng thực hành cho cán bộ tham gia chương trình phòng chống ĐTD	Người	12	10	83.3				2	2	100	2	2	100	2	2	100	3	2	67	3	2	66.7
2	Tư vấn cho người tiền đái tháo đường	Cuộc	22	0	0				5		0	4		0	5		0	4		0	4		0

TRU
Y
GIAN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
3	Thực hiện khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	4.153	660	16				830	120	14.5	830	105	12.7	831	150	18.1	831	145	17.4	831	140	16.8
4	Số bệnh nhân ĐTĐ được quản lý điều trị tại Trạm Y tế	Người	486	467	96				97	73	75.3	97	96	99	97	103	106.2	97	116	120	98	79	80.6
C	Phòng chống Tăng huyết áp																						
1	Số lượt cán bộ y tế được đào tạo	Cán bộ	12	0	0				2		0	2		0	2		0	3		0	3		0
2	Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân THA	Xã	5	5	100				1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
3	Phát hiện thông qua khám sàng lọc tại cộng đồng	Người	304	24	7.9				60	0	0	61	1	1.6	61	5	8.2	61	8	13.1	61	10	16.4
4	Số bệnh nhân THA được quản lý điều trị tại Trạm Y tế	Người	857	617	72.0				171	106	62.0	171	157	91.8	171	95	55.6	172	158	91.9	172	101	58.7
V	DINH DƯỠNG																						
1	Trẻ em 6-36 tháng được uống Vitamin A	Trẻ	1.460	0	0.0		0		240	0	0	225	0	0	275	0	0	360	0	0	360	0	0
2	Bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A	BM		0	0.0	0	0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
3	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD cân nặng/ tuổi	%	10.19	0		10.19	0.00		10.8	0	0	14.1	0	0	9.82	0	0	8.61	0	0	9.12	0	0
4	Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi SDD chiều cao/ tuổi	%	12.3	0		12.3	0.00		18.03	0	0	16.9	0	0	9.09	0	0	10.72	0	0	9.51	0	0
5	Tập huấn Vitamin A - Dinh dưỡng	Lớp		0			0		0	0		0	0		0	0		0	0		0	0	
6	Số xã triển khai	Xã	5	5	100	5			1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
7	Câu lạc bộ dinh dưỡng	Xã	5	5	100	5			1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100
8	Số trẻ < 5 tuổi	Trẻ	2.545	2.520	99.0	2.545			440	456	103.6	375	368	98.1	575	570	99.1	620	598	96.5	535	528	98.7
9	Số trẻ < 2 tuổi	Trẻ	889	869	97.8	889			170	152	89.4	127	142	111.8	175	181	103.4	210	168	80.0	200	226	113
VI	SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG- Y TẾ TRƯỜNG HỌC																						
A	Vệ sinh môi trường																						
1	Kiểm tra giám sát các CSYT có công trình cấp nước và nhà	cơ sở	6	0	0				1	0	0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0
2	Kiểm tra giám sát về quản lý chất thải y tế.	cơ sở	6	0	0				1	0	0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH		%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
3	Thực hiện ngoại kiểm đối với các đơn vị cấp nước	cơ sở	2	0	0				0	0		0	0		1	0	0	1	0	0	0	0	
4	Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường các cơ sở sản xuất	cơ sở	1	0	0				0	0		0	0		0	0		1	0	0	0	0	
5	Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình trên địa bàn hiện	hộ đđ	410	42	10.2				85	8	9	80	8	10	80	10	13	85	8	9	80	8	10
6	Tỷ lệ HGD ở nông thôn có nhà tiêu HVS	%																					
B	Y tế trường học																						
1	Trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	9	1	11				2	0	0	1	0	0	2	0	0	2	0	0	2	1	50
2	Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh	Trường	9	2	22				2	0	0	1	0	0	2	0	0	2	0	0	2	2	100
C	Nha học đường																						
1	Số trường thực hiện giáo dục SKRM cho HS tiểu học và HS mẫu giáo	Trường	11	0	0				3	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2	Số HS tiểu học và mẫu giáo bán trú thực hiện chải răng tại trường	HS	290	0	0				60	0	0	20	0	0	140	0	0	0	0		70	0	0
3	Số trường có tổ chức cho HS súc miệng Natri Fluor 0.2%	Trường	7	0	0				2	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	2	0	0
4	Số HS được khám sức khỏe răng miệng	HS	1.000	0	0				200	0	0	200	0	0	200	0	0	200	0	0	200	0	0
VI	BỆNH NGHỀ NGHIỆP																						
1	Tổ chức/phối hợp kiểm tra, giám sát các cơ sở lao động có nguy cơ phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại.	Cơ sở																					
VII	PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS																						
1	Số mẫu xét nghiệm sàng lọc HIV	Mẫu	650	120	18.5	650	120		-														

NH
 IG T
 TẾ
 THÀ
 ★

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH		%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
2	Vòng tránh thai	Người	500	224	44.8		0		73	6	8.2	64	9	14.1	100	45	45.0	131	101	77.1	132	63	47.7
3	Thuốc uống tránh thai	Người	600	338	56.3		0		77	6	7.8	71	30	42.3	107	81	75.7	168	118	70.2	177	103	58.2
4	Thuốc tiêm tránh thai	Người	450	49	10.9		1		76	9	11.8	72	14	19.4	86	4	4.7	107	16	15.0	109	5	4.6
5	Thuốc cấy tránh thai	Người	4	0	0.0		0		1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	0	0	
6	Bao cao su	Người	600	533	88.8		0		77	10	13.0	71	38	53.5	107	136	127.1	168	281	167	177	68	38.4
B	Chỉ tiêu Chăm sóc SKBM																						
1	Phá thai	Cas	10	0	0.0		0		2	0	0.0	2	0	0	2	0	0	2	0	0	2	0	0
2	Khám phụ khoa	lượt	5200	641	12.3		15		920	120	13.0	850	98	11.5	1050	171	16.3	1160	100	8.6	1220	137	11.2
3	Điều trị phụ khoa	lượt	2340	249	10.6		5		440	50	11.4	400	9	2.3	490	85	17.3	500	55	11.0	510	45	8.8
4	Số phụ nữ đẻ trong năm	người	450	29	6.4		3		85	3	3.5	75	5	6.7	94	5	5.3	97	7	7.2	99	6	6.1
	+ Tr.đó: Số đẻ tuổi vị thành niên	Người	23	1	4.3		0		4	0	0.0	4	0	0.0	5	1	20.0	5	0	0.0	5	0	0.0
5	Phụ nữ đẻ được khám thai > 4 lần	Cas	405	29	7.2		3		76	3	3.9	68	5	7.4	85	5	5.9	87	7	8.0	89	6	6.7
	+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai > 4 lần	%	90	29	32.2		3		90	3	3.3	90	5	5.6	90	5	5.6	90	7	7.8	90	6	6.7
6	BM và trẻ SS được CS sau đẻ	Cas	437	29	6.6		3		82	3	3.7	73	5	6.8	92	5	5.4	94	7	7.4	96	6	6.3
	* Tỷ lệ BM và trẻ SS được CS sau đẻ	%	97	29	29.9		3		97	3	3.1	97	5	5.2	97	5	5.2	97	7	7.2	97	6	6.2
7	Số cas tử vong mẹ	Cas		0	0.0		0			0			0						0			0	
8	Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ ra sống	‰		0	0.0		0			0			0						0			0	
C	Chỉ tiêu Chăm sóc SKTE																						
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	450	29	6.4		3		85	3	3.5	75	5	6.7	94	5	5.3	97	7	7.2	99	6	6.1
	+ Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	29	29.0		3		100	3	3.0	100	5	5.0	100	5	5.0	100	7	7.0	100	6	6.0
2	Số trẻ tử vong dưới 1 tuổi	Trẻ	5	0	0.0		0		1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	9,27	0			0		9,27	0		9,27	0		9,27	0		9,27	0		9,27	0	
3	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ	5	0	0		0		1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0	1	0	0.0

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TOÀN HUYỆN			TRUNG TÂM Y TẾ			TRẠM Y TẾ PHÚ MỸ			TRẠM Y TẾ PHÚ LỢI			TRẠM Y TẾ TÂN KHÁNH HÒA			TRẠM Y TẾ VĨNH ĐIỀU			TRẠM Y TẾ VĨNH PHÚ		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH		%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
4	Số lần nói chuyện chuyên đề sức khỏe tại cụm dân cư, trường học, đoàn thể	Lần	25	1	4.0	4	1		4		0	4		0	5		0	4		0	4		0
5	Số tin, bài, ảnh gửi đăng trên bản tin sức khỏe Kiên Giang	Tin, bài, ảnh	12	2	16.7	7	2		1		0	1		0	1		0	1		0	1		0
6	Tin bài gửi phát trên đài truyền thanh huyện	Tin, bài	70	10	14.3	60	10		2		0	2		0	2		0	2		0	2		0
7	Tin bài gửi phát trên đài truyền thanh xã, Trạm Y tế	Tin, bài	400	28	7.0				80	9	11.3	80	4	5.0	80	5	6.3	80	5	6.3	80	5	6.3
8	Hợp nhóm liên quan đến TT-GDSK tại cụm dân cư	Lần	200	26	13.0				40	5	12.5	40	5	12.5	40	6	15.0	40	5	12.5	40	5	12.5
9	Thăm hộ gia đình liên quan đến TT-GDSK	Lần	6.000	876	14.6				1.200	120	10.0	1.200	160	13.3	1.200	220	18.3	1.200	166	13.8	1.200	210	17.5
XI	CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO																						
1	Số người xét nghiệm lao	Người	322	47	14.60				55	7	12.7	50	7	14.0	70	10	14.3	71	11	15.5	76	12	15.8
2	Số BN QL điều trị	BN	96	67	69.79				15	10	66.7	24	13	54.2	20	18	90.0	16	15	93.8	21	11	52.4
3	Số bệnh nhân lao phát hiện	BN	50	5	10.00				8	1	12.5	8	1	12.5	11	1	9.1	11	2	18.2	12	0	0.0
4	BN thu dung	BN	50	5	10.00				8	1	12.5	8	1	12.5	11	1	9.1	11	2	18.2	12	0	0.0
5	Lao phổi mới (+)	BN	36	4	11.11				6	1	16.7	6	1	16.7	8	1	12.5	8	1	12.5	8	0	0.0
6	Lao phổi (+) tái trị; LP AFB (-); Lao ngoài phổi	BN	14	1	7.14				2	0	0.0	2	0	0.0	3	0	0.0	3	1	33.3	4	0	0.0
7	BN khỏi bệnh các thể	BN	41	18	43.90				6	5	83.3	15	3	20.0	8	5	62.5	4	2	50.0	8	3	37.5
8	Xét nghiệm HIV cho BN lao	%	≥ 95%	≥ 95%	≥ 95%				≥ 95%	≥ 95%	100	≥ 95%	≥ 95%	100	≥ 95%	≥ 95%	100	≥ 95%	≥ 95%	100	≥ 95%	≥ 95%	100
XII	CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE TÂM THẦN																						
1	Số bệnh nhân mới phát hiện	BN		0					0	0		0	0		1	0	0	0	0		1	0	0
	Tâm thần phân liệt	BN		0					0	0		0	0		1	0	0	0	0		0	0	
	Động kinh	BN		0					0	0		0	0		0	0		0	0		1	0	0
2	Kiểm tra giám sát	Lần	2	6	0				6	6	100	6	6	100	6	6	100	6	6	100	6	6	100
3	Số lượt khám bệnh	Lượt	610	53	8.7				10	10	100	10	10	100	12	12	100	13	13	100	8	8	100

914

